

**CÔNG TY TNHH IIB HOME**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH IIB HOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IIB HOME COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH IIB HOME

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702733437

**3. Ngày thành lập:** 03/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 132, đường Trần Phú, khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                       | 4312        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                           | 4211        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                            | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                       | 4229        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                              | 4299        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                  | 4620        |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                       | 3312        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                           | 3314        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                       | 4101(Chính) |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                 | 4102        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                     | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                         | 4292        |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                   | 4293        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                  | 4311        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống điện, báo cháy, báo trộm, camera quan sát | 4321        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                   | 4322        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                          | 4329        |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                          | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4390 |
| 21. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát (trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất, đồ điện gia dụng và đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4649 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8560 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn công trình - Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế cơ sở, bản vẽ thi công, dự toán công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông thủy lợi, viễn thông, hệ thống điện, công trình dân dụng và công nghiệp - Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp | 7110 |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410 |
| 28. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710 |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730 |
| 30. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Tiện, phay, bào, hàn, cắt, mài, đục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2592 |
| 31. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510 |
| 32. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, tôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4662 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 900.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                              | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ HỒ QUỐC PHÚ  | Số 03, đường số 9, khu biệt thự Tiamo Phú Thịnh, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 180.000.000           | 20,000    | 280608333                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN KIM TRỌNG | Xóm 7, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                                                     | 180.000.000           | 20,000    | 182285769                                                                                                                                         |         |
| 3   | NGUYỄN XUÂN VŨ   | Thôn Bàu Đĩa, Xã Phước Tân, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam                                            | 180.000.000           | 20,000    | 285186202                                                                                                                                         |         |
| 4   | ĐINH TIẾN DŨNG   | Số 02, ngách 51/77, Lương Văn Thăng, phố 10, Phường Đồng Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam     | 180.000.000           | 20,000    | 051096000048                                                                                                                                      |         |
| 5   | LƯU TUẤN VŨ      | Xóm Tân Hoàn, Xã Nghĩa Phúc, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                                                 | 180.000.000           | 20,000    | 186574226                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU TUẤN VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 20/05/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186574226

Ngày cấp: 22/02/2018

Nơi cấp: Công an Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Tân Hoàn, Xã Nghĩa Phúc, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 481/24 Huỳnh Văn Lũy, tổ 18, khu phố 4, Phường Phú Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương